

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9

DANH SÁCH TỶ KHEO TRÚNG TUYỂN
ĐẠI GIỚI ĐÀN “QUẢNG ĐỨC” PL. 2557 – DL. 2013

-----oOo-----

Ngày 09 - 15/ 9/ 2013 (từ 05- 11/ 8/ Quý Ty)

STT	SBD	HỌ và TÊN	PHÁP DANH	NGÀY & NƠI SINH	ĐIỂM THI		TỔNG SỐ ĐIỂM
					VIẾT	TRẮC NGHIỆM	
1	201	Nguyễn Quốc Trường	T. TRUNG AN	02.05.1989 Bình Định	16.0	99	115.0
2	203	Trần Ngọc Dũng	T. TRUNG DŨNG	17.07.1981 TP. HCM	15.0	98	113.0
3	204	Dương Tấn Hiền	T. TRUNG HIỀN	01.11.1987 Khánh Hòa	15.0	98	113.0
4	202	Nguyễn Sanh Tú	T. TRUNG NHỰT	25.09.1988 TP. HCM	10.0	100	110.0
5	206	Trần Quốc Việt	T. TRUNG VIỆT	25.12.1992 Đồng Tháp	12.0	98	110.0
6	041	Lại Giang Sơn	T. TRUNG NHÂN	12/3/1987 TP. HCM	17.5	92	109.5
7	207	Nguyễn An Khương	T. TỊNH BẢO	25.02.1987 Quảng Nam	10.0	99	109.0
8	045	Hồ Ngọc Huy	T. TRUNG HOÀNG	22/09/1990 TP. HCM	12.0	95	107.0

9	044	Nguyễn Văn Thành Long	T. TRUNG THẬT	16/11/1974 TP. HCM	10.0	96	106.0
10	043	Lê Mậu Khoa	T. TRUNG QUẢ	9/4/1982 Đồng Nai	10.0	93	103.0
11	149	Nguyễn Viết Hùng	T. TÂM ĐẠI	20.11.1986 Quảng Trị	15.5	86	101.5
12	138	Nguyễn Hữu Thoát	T. TÂM TƯỜNG	1985 TT. Huế	15.0	86	101.0
13	030	Huỳnh Thanh Nhanh	T. QUẢNG LỢI	10/7/1991 Phú Yên	13.0	87	100.0
14	001	Raziv Võ Nhật Quang	T. MINH THOÁT	05.1.1990 TP.HCM	12.0	87	99.0
15	146	Nguyễn Ngọc Tiến	T. TÂM TIẾN	01.12.1991 Đồng Nai	16.0	83	99.0
16	148	Nguyễn Mạnh Đình	T. TÂM TRỰC	25.3.1974 Thái Bình	12.0	86	98.0
17	230	Đình Quốc Hòa	T. MINH HÒA	25.05.1984 Đồng Nai	12.0	86	98.0
18	241	Trần Quốc Huy	T. TRUNG HOÀNG	25.08.1987 Gia Lai	10.0	87	97.0
19	093	Phạm Văn Thành	T. HOÀNG BÌNH	27/09/1980 Hải Dương	15.0	81	96.0
20	097	Lê Đình Điền Tâm	T. QUẢNG NGUYỄN	12/2/1978 TT. Huế	16.0	80	96.0
21	155	Nguyễn Ngọc Bảy	T. TÂM DANH	04.8.1988 Quảng Trị	15.0	81	96.0
22	284	Nguyễn Trọng Thiện	T. THANH HIẾU	01/09/1993 Bình Phước	10.0	86	96.0
23	039	Huỳnh Trần Thức	T. HOÀNG TÂM	4/8/1991 Kiên Giang	15.0	80	95.0

24	140	Nguyễn Công Rin	T. TÂM NGUYÊN	1988 TT. Huế	14.0	81	95.0
25	141	Nguyễn Bá Trọng	T. TÂM TRỌNG	15.8.1992 Đắk Lắk	14.0	81	95.0
26	153	Nguyễn Văn Tuấn	T. TÂM VIỆT	1988 Tây Ninh	16.0	79	95.0
27	262	Phạm Hồng Tân	T. QUẢNG AN	2.8.1990 Bình Thuận	10.0	85	95.0
28	269	Lê Tự Hoàng	T. TRUNG ĐỊNH	1.1.1985 Quảng Nam	14.0	81	95.0
29	193	Nguyễn Ngọc Duy Khanh	T. GIÁC MINH TƯỜNG	03.09.1991 Đồng Nai	13.5	81	94.5
30	266	Hà Minh Giáp	T. NGUYỄN HẢI	28.08.1984 Thái Bình	11.5	83	94.5
31	056	Trương Văn Ly	T. MINH LONG	19/08/1985 Tây Ninh	17.0	77	94.0
32	071	Trương Minh Vương	T. HẠNH PHÁP	23/04/1988 Ninh Thuận	14.5	78	92.5
33	046	Trương Minh Phong	T. TRUNG MẬT	5/9/1985 Đồng Nai	13.0	79	92.0
34	094	Nguyễn Đăng Chinh	T. PHƯỚC THÀNH	10/7/1985 Quảng Nam	11.0	81	92.0
35	096	Nguyễn Bình	T. QUẢNG AN	29/03/1989 TP. Đà Nẵng	16.0	76	92.0
36	157	Ngô Ngọc Anh	T. TÂM ĐẠO	28.6.1986 Đà Nẵng	12.0	80	92.0
37	215	Nguyễn Hồ Anh Tú	T. QUẢNG THIÊN	8.2.1989 Phú Yên	16.0	76	92.0
38	260	Nguyễn Ngọc Sang	T. TÂM HẠNH	14.09.1988 Bến Tre	18.0	74	92.0

39	002	Điền Quốc Tuấn	T. THIÊN NHÃ	20.01.1975 TP. HCM	10.0	80	90.0
40	042	Lê Đoàn Tây Sơn	T. TRUNG SƠN	24/09/1983 TP. HCM	15.0	75	90.0
41	099	Lê Đức Anh	T. QUẢNG HÒA	18/09/1992 Quảng Trị	10.0	80	90.0
42	194	Nguyễn Thành Sơn	T. GIÁC MINH TUỆ	20.07.1983 Khánh Hòa	14.0	76	90.0
43	263	Lê Kim Thanh Tùng	T. TRÚC THÁI KHÔNG	6.10.1972 An Giang	13.0	77	90.0
44	072	Hồ Thanh Trần Ái Nghĩa	T. NHUẬN ĐỊNH	26/06/1988 TT. Huế	13.0	76	89.0
45	180	Nguyễn Văn Thanh Trí	T. TÂM QUANG	02.05.1987 Long An	11.0	78	89.0
46	220	Nguyễn Quang Phước	T. HUỆ THỌ	13.02.1990 Quảng Trị	13.0	76	89.0
47	245	Hà Huy Nhiệm	T. THIÊN PHÁP	15.09.1984 Vĩnh Long	10.0	79	89.0
48	088	Đặng Văn Thượng	T. THIÊN PHẨM	10/05/1955 Hải Dương	16.5	72	88.5
49	224	Nguyễn Hữu Minh Thông	T. TẮC THIÊN	18.07.1989 TP. HCM	13.5	75	88.5
50	018	Phạm Minh Nhựt	T. NHẬT THỜI	27/05/1991 Đồng Tháp	18.0	70	88.0
51	070	Nguyễn Lý Ngọc	T. BỒN ĐỨC	1/12/1991 Tiền Giang	17.0	71	88.0
52	107	Cao Hoàng Phi	T. NGUYỄN HOÀNG	1991 TP. HCM	12.0	76	88.0
53	110	Lại Hữu Kim Long	T. NGUYỄN LONG	1992 TP. HCM	12.0	76	88.0

54	125	Đỗ Thanh Tuấn	T. THIÊN ANH	1991 . Long An	11.0	77	88.0
55	147	Võ Bá Long	T. TÂM HÙNG	19.8.1988 TT. Huế	14.0	74	88.0
56	191	Lê Văn Trúc	T. GIÁC MINH LUẬT	15.08.1992 Bình Thuận	14.0	74	88.0
57	229	Nguyễn Hoàng Phát	T. LÊ ĐẠT	26.07.1981 TP. HCM	14.0	74	88.0
58	234	Nguyễn Tấn Đạt	T. THÁNH NGHIÊM	25.10.1992 BR. Vũng Tàu	13.0	75	88.0
59	254	Nguyễn Thành Tài	T. TRÍ HẢI	20.10.1993 Bình Thuận	10.0	78	88.0
60	005	Huỳnh Giao Phương Đông	T. VẠN ĐỘ	18.6.1994 Bình Định	14.5	73	87.5
61	006	Hồ Lê Hiệp	T. NHƯ TÙNG	30.5.1987 Tiền Giang	14.5	73	87.5
62	237	Trần Đình Chí	T. TRUNG THIÊN	29.06.1988 TP. HCM	18.5	69	87.5
63	267	Văn Minh Bảo	T. NHẬT TRÍ	28.12.1983 Bến Tre	11.5	76	87.5
64	004	Nguyễn Xuân Phú	T. HỮU ĐẠT	09.8.1993 Bình Định	13.0	74	87.0
65	080	Trần Văn Thành	T. QUẢNG HÒA	17/9/1982 Đà Nẵng	13.0	74	87.0
66	087	Ngô Hoài Hận	T. THIÊN DUYÊN	12/05/1986 Bạc Liêu	14.0	73	87.0
67	098	Võ Nhật	T. QUẢNG HUY	29/08/1991 Quảng Trị	12.0	75	87.0
68	118	Nguyễn Ngọc Sơn	T. THIÊN TÂM	28/05/1986 Long An	8.0	79	87.0

69	253	Nguyễn Chí Phong	T. TRÍ MINH	<i>1.6.1991 Bình Dương</i>	12.0	75	87.0
70	265	Võ Văn Thực	T. THIÊN GIỚI	<i>18.02.1988 Nghệ An</i>	11.0	76	87.0
71	282	Mai Văn Lộc	T. TÂM AN	<i>10.03.1987 Đồng Nai</i>	11.0	76	87.0
72	007	Phạm Đăng Thành	T. HẠNH HUỆ	<i>18/10/1990 Quảng Ngãi</i>	10.0	76	86.0
73	014	Nguyễn Ngọc Duy	T. VẠN NGUYỄN	<i>18.5.1994 Bình Định</i>	13.0	73	86.0
74	024	Huỳnh Thế Bảo	T. MINH BÁU	<i>8/4/1989 Bình Thuận</i>	13.0	73	86.0
75	116	Nguyễn Minh Trí	T. NHUẬN TUỆ	<i>1988 Bến Tre</i>	15.0	71	86.0
76	127	Ngô Tấn Hào	T. TỊNH TRÍ	<i>10/8/1992 Đắk Lắk</i>	14.0	72	86.0
77	152	Phạm Quốc Việt	T. TÂM HUY	<i>14.4.1986 Đắk Lắk</i>	14.0	72	86.0
78	154	Lê Minh Giác	T. TÂM HOÀNG	<i>10.5.1970 Đà Nẵng</i>	16.0	70	86.0
79	233	Nguyễn Văn Lâm	T. THÁNH TRÍ	<i>15.09.1991 Quảng Nam</i>	10.0	76	86.0
80	022	Cao Minh Thành	T. MINH ĐẠT	<i>12/10/1985 Phú Yên</i>	10.5	75	85.5
81	160	Lê Văn Cất	T. TÂM CHÁNH	<i>27.10.1981 BR-VT</i>	13.5	72	85.5
82	181	Nguyễn Hoàng Minh	T. NHUẬN HIẾU	<i>15.09.1991 Quảng Ninh</i>	14.5	71	85.5
83	008	Nguyễn Anh Tuấn	T. ĐỒNG HẠNH	<i>29/1/1993 Bình Thuận</i>	16.0	69	85.0

84	106	Đào Văn Tuấn Anh	T. KHẢI TĨNH	28/10/1989 <i>Tiền Giang</i>	16.0	69	85.0
85	130	Lê Văn Quân	T. TỪ MINH	1993 <i>An Giang</i>	15.0	70	85.0
86	145	Lê Xuân Việt	T. TÂM KHƯƠNG	22.10.1988 <i>Cà Mau</i>	18.0	67	85.0
87	223	Nguyễn Văn Quân	T. MINH NGỌC	1.7.1988 <i>Bình Thuận</i>	10.0	75	85.0
88	079	Nguyễn Vũ Hiền Đức	T. QUẢNG DUYÊN	04/7/1990 <i>Tp. Đà Nẵng</i>	14.0	70	84.0
89	232	Võ Thành Công	T. THIỆN CHÍ	17.08.1985 <i>TP. HCM</i>	10.0	74	84.0
90	235	Nguyễn Hữu Nhân	T. NHUẬN HẠNH	26.08.1983 <i>TP. HCM</i>	15.0	69	84.0
91	026	Trần Hữu Vũ	T. AN TUẤN	26/09/1992 <i>Quảng Nam</i>	11.5	72	83.5
92	221	Huỳnh Bảo Hoàng Việt	T. HUỆ THANH	7.2.1992 <i>Đắk Lắk</i>	12.5	71	83.5
93	222	Trần Trí Cường	T. THIÊN ĐỨC	20.10.1993 <i>TP. HCM</i>	13.5	70	83.5
94	003	Nguyễn Huy Vũ	T. TRÍ THIÊN	24.9.1989 <i>TP. HCM</i>	10.0	73	83.0
95	217	Phạm Thanh Tuấn	T. GIÁC MINH HỮU	5.7.1978 <i>Hà Tĩnh</i>	17.0	66	83.0
96	244	Trương Hoàng Nhi	T. HUỆ TÂM	22.01.1988 <i>TP. HCM</i>	14.0	69	83.0
97	258	Nguyễn Văn Phương	T. LỆ NHUẬN	27.01.1983 <i>TP. HCM</i>	11.0	72	83.0
98	226	Nguyễn Hoàng Minh	T. THIỆN QUANG	7.7.1968 <i>Cần Thơ</i>	16.5	66	82.5

99	231	Nguyễn Bá Trường	T. THIỆN TRƯỜNG	20.04.1988 TP. HCM	14.5	68	82.5
100	010	Trần Ngọc Nhân	T. NGUYỄN NHƠN	18/6/1983 Tiền Giang	12.0	70	82.0
101	017	Trịnh Hoài Phong	T. ĐỒNG NHÃ	11/5/1992 TP.HCM	13.0	69	82.0
102	058	Võ Tấn	T. NGUYỄN TÀI	10/5/1993 Ninh Thuận	17.0	65	82.0
103	064	Nguyễn Đức Nhân	T. MINH TRÚC	5/11/1989 Vĩnh Long	15.0	67	82.0
104	065	Lê Văn Phương	T. MINH HẢI	10/9/1979 Long An	15.0	67	82.0
105	066	Lê Anh Quốc	T. MINH ANH	15/04/1992 Long An	12.0	70	82.0
106	073	Phạm Văn Lực	T. NGUYỄN PHƯỚC	2/2/1990 Thanh Hóa	12.0	70	82.0
107	122	Đinh Thái Châu	T. THIỆN BỬU	13/06/1980 TP.HCM	12.0	70	82.0
108	126	Phan Tấn Nguyên	T. THIỆN ĐẠO	25/2/1962 TP.HCM	8.0	74	82.0
109	131	Huỳnh Thanh Bình	T. NHƯ ĐĂNG	1989 TP.HCM	12.0	70	82.0
110	161	Nguyễn Chân	T. LỆ THIỆN	20/2/2010 Đà Nẵng	10.0	72	82.0
111	274	Trương Hoàng Huy	T. TỪ MINH	22/10/1978 TT. Huế	15.0	67	82.0
112	083	Hồ Cao Quyền	T. GIÁC ÂN	13/ 02/ 1984 Phú Yên	13.0	68	81.0
113	104	Trần Thành Đạt	T. CHÚC BỬU	10/02/1991 Bình Thuận	10.0	71	81.0

114	195	Hứa Thanh Ngà	T. GIÁC MINH PHƯƠNG	08.01.1990 <i>Bạc Liêu</i>	13.0	68	81.0
115	032	Lê Hoàng Phương	T. TÂM ĐỊNH	15/3/1993 <i>Long An</i>	13.0	67	80.0
116	242	Hồ Văn Quý	T. LỆ NHÃN	1.9.1985 <i>Quảng Trị</i>	14.0	66	80.0
117	268	Nguyễn Đình Dương	T. THỊ HẢI	20.10.1984 <i>Quảng Nam</i>	11.0	69	80.0
118	261	Lê Thánh Tôn	T. NHẬT TRỌNG	16.05.1981 <i>TP. HCM</i>	12.5	67	79.5
119	027	Lê Văn Vũ Phương	T. THIÊN NHẬP	8/1/1994 <i>TP. HCM</i>	10.0	69	79.0
120	048	Nguyễn Văn Dự	T. BỒN NGUYỄN	1989 <i>Quảng Nam</i>	10.0	69	79.0
121	052	Hồ Ngọc Anh	T. THÁNH LẠC	8/11/1993 <i>Đắk Lắk</i>	10.0	69	79.0
122	069	Phan Văn Trọng Nhân	T. MINH HÀNH	21/10/1986 <i>Soc Trăng</i>	8.0	71	79.0
123	105	Nguyễn Thiện Chí	T. HẠNH HOÀNG	26/06/1991 <i>Đồng Nai</i>	10.0	69	79.0
124	200	Võ Thế Mỹ	T. CHÂN LÝ	14.03.1993 <i>Tiền Giang</i>	11.0	68	79.0
125	178	Lê Hoài Văn Nghĩa	T. CHÚC THIÊN	10.05.1986 <i>TP. HCM</i>	16.0	62	78.0
126	192	Nguyễn Thanh An	T. GIÁC MINH AN	16.03.1991 <i>Gia Lai</i>	10.0	68	78.0
127	255	Lê Nguyên Bửu	T. NHUẬN HOÀNG	20.01.1991 <i>Đồng Nai</i>	13.0	65	78.0
128	016	Nguyễn Hoàng Phúc Lợi	T. NHẬT KHIẾT	5/3/1993 <i>TP. HCM</i>	12.0	65	77.0

129	074	Võ Văn Hội	T. GIÁC ĐỨC	10/12/1990 <i>Bến Tre</i>	10.0	67	77.0
130	114	Phan Duy Khiêm	T. NHUẬN TÔN	1982 <i>TT. Huế</i>	7.0	70	77.0
131	129	Quách Văn Thoại	T. THIÊN VIÊN	21/07/1985 <i>Bạc Liêu</i>	7.0	70	77.0
132	151	Nguyễn Sơn	T. TÂM NGUYỄN	20.12.1984 <i>Phú Yên</i>	10.0	67	77.0
133	179	Nguyễn Trần Tân	T. NGUYỄN THỨC	19.09.1993 <i>Lâm Đồng</i>	15.0	62	77.0
134	062	Trần Xuân Nam	T. MINH THƯỢNG	3/2/1959 <i>Đà Nẵng</i>	8.0	68	76.0
135	137	Phạm Văn Hợp	T. NHƯ LỰC	1989 <i>TP.HCM</i>	14.0	62	76.0
136	163	Trần Văn Hải	T. PHÁP ĐỨC	25/10/1956 <i>TP. HCM</i>	11.0	65	76.0
137	189	Trần Văn Toàn	T. QUẢNG NĂNG	26.07.1974 <i>Phú Yên</i>	12.0	64	76.0
138	209	Nghiêm Xuân Hiếu	T. HỮU ÂN	04.02.1982 <i>TP. HCM</i>	11.0	65	76.0
139	212	Lê Gia Quý	T. TRUNG PHÚ	06.09.1986 <i>Đồng Nai</i>	11.0	65	76.0
140	218	Trần Thiên Diễm	T. MINH NGHĨA	25.08.1985 <i>Quảng Trị</i>	12.0	64	76.0
141	243	Nguyễn Chí Thành	T. TRUNG ĐẠT	17.06.1989 <i>Bến Tre</i>	10.0	66	76.0
142	250	Nguyễn Phát Tài	T. TỪ VIÊN	16.02.1989 <i>Cần Thơ</i>	12.0	64	76.0
143	012	Phan Văn Tuấn	T. NHUẬN PHÁP	12/10/1987 <i>TT. Huế</i>	15.0	60	75.0

144	059	Nguyễn Văn An	T. MINH VIỆT	20/04/1986 <i>Bình Định</i>	15.0	60	75.0
145	108	Phạm Văn Hải	T. NGUYỄN HẢI	1993 <i>TP. HCM</i>	10.0	65	75.0
146	113	Hồ Lê Pháp	T. MINH LUÂN	1990 <i>Bình Định</i>	16.0	59	75.0
147	188	Nguyễn Quốc Trực	T. MINH TÂM	19.06.1994 <i>Bình Thuận</i>	15.0	60	75.0
148	238	Phạm Tấn Tài	T. THIÊN LỘC	24.12.1989 <i>TP. HCM</i>	10.0	65	75.0
149	025	Phùng Thanh Lang	T. QUẢNG HUỆ	1953 <i>Quảng Nam</i>	8.5	66	74.5
150	084	Nguyễn Xuân Nghi	T. NHUẬN LUẬT	15/ 07/ 1988 <i>Phú Yên</i>	13.5	61	74.5
151	103	Phan Ngọc Hùng	T. TRÍ LỰC	22/04/1980 <i>TP.HCM</i>	10.0	64	74.0
152	135	Nguyễn Văn Quang	T. HUỆ MINH	1983 <i>Sông Bé</i>	12.0	62	74.0
153	144	Lê Phước Ba	T. TÂM LỘC	30.11.1991 <i>TT. Huế</i>	12.0	62	74.0
154	205	Tôn Thất Tuệ	T. TRUNG MINH	10.12.1988 <i>TT. Huế</i>	16.0	58	74.0
155	216	Diệp Trường Sanh	T. NGUYỄN CHÁNH	1982 <i>An Giang</i>	12.5	61	73.5
156	013	Nguyễn Văn Hiên	T. NHUẬN MINH	7/5/1990 <i>TT. Huế</i>	13.0	60	73.0
157	031	Nguyễn Văn Cỏi	T. TÂM ĐỨC	1976 <i>Tiền Giang</i>	8.0	65	73.0
158	040	La Quang Thảo	T. HẠNH HIẾU	4/4/1985 <i>Quảng Ngãi</i>	14.0	59	73.0

159	124	Lê Đỗ Cảnh	T. THIÊN THẮNG	12/06/1990 Long An	14.0	59	73.0
160	184	Nguyễn Thanh Thuận	T. QUẢNG HIẾU	10.02.1993 Bình Thuận	12.0	61	73.0
161	278	Nguyễn Phước Đại	T. SIÊU ĐẠI	04/09/1990 Cần Thơ	16.0	57	73.0
162	279	Hoàng Minh Giang	T. TRUNG HIẾU	4/12/1990 Quảng Trị	13.0	60	73.0
163	049	Phan Minh Ban	T. ĐỒNG HẠNH	2/1/1960 Quảng Nam	10.0	62	72.0
164	095	Nguyễn Văn Giàu	T. VẠN TÀI	10/5/1988 An Giang	10.0	62	72.0
165	100	Dương Quang Tiến	T. QUẢNG HIỆP	20/06/1990 TThiên Huế	12.0	60	72.0
166	183	Bùi Kim Lên	T. QUẢNG LỘ	25.04.1991 Phú Yên	10.0	62	72.0
167	208	Hoàng Kim Dươg	T. QUẢNG NGỘ	09.09.1990 Quảng Trị	12.0	60	72.0
168	047	Nguyễn Hoài An	T. TRUNG AN	15/04/1991	12.0	59	71.0
169	053	Đào Văn Hiệp	T. ĐỨC TRÍ	2/2/1993 Bình Định	10.0	61	71.0
170	067	Nguyễn Văn Tuấn	T. MINH TRANG	22/07/1987 An Giang	10.0	61	71.0
171	187	Nguyễn Thanh Hùng	T. QUẢNG TỊNH	26.08.1993 Bình Thuận	11.0	60	71.0
172	228	Lê Quách Phong	T. MINH TỊNH	28.02.1992 An Giang	12.0	59	71.0
173	246	Nguyễn Gia Phụng	T. NHƯ SỰ	12.9.1992 Quảng Trị	8.0	63	71.0

174	277	Nguyễn Thành Tấn Nguyên	T. AN THIÊN	16/03/1986 Ninh Thuận	16.0	55	71.0
175	085	Nguyễn Thanh Quang	T. ĐỨC MINH	19/ 03/ 1994 Tp.HCM	12.5	58	70.5
176	257	Lê Văn Lâm	T. NHƯ VIỆN	15.07.1989 Long An	8.5	62	70.5
177	063	Huỳnh Trung Nghĩa	T. MINH HIỂN	31/01/1985 Tiền Giang	10.0	60	70.0
178	117	Trần Thạch Vũ	T. MINH PHƯỚC	16/10/1977 Đồng Nai	10.0	60	70.0
179	172	Bùi Anh Dũng	T. MINH THÔNG	14/9/1983 TP. HCM	15.0	55	70.0
180	111	Trần Thanh Vũ	T. NGUYỄN VŨ	1983 Long An	8.5	61	69.5
181	264	Nguyễn Thanh Sang	T. TRÍ ĐẠT	5.4.1986 TT. Huế	11.5	58	69.5
182	019	Trương Thanh Hiền	T. NGUYỄN HIỀN	13/11/1992 Đồng Tháp	16.0	53	69.0
183	219	Ngô Đoàn Trung Thiện	T. BỬU NGHIÊM	19.08.1993 TP. HCM	12.0	57	69.0
184	248	Từ Tiến Ninh	T. PHƯỚC THUẬN	15.08.1988 Đồng Nai	10.0	59	69.0
185	272	Nguyễn Văn Thắng	T. THIÊN THẮNG	20/12/1954 TP. HCM	11.0	58	69.0
186	089	Trần Thanh Danh	T. NGỘ TÂM	26/03/1982 An Giang	15.0	53	68.0
187	115	Dương Quang Yên	T. NHUẬN QUẢNG	1991 Đăklăk	14.0	54	68.0
188	150	Chiêu Thế Phong	T. TÂM DƯỠNG	1966 Cần Thơ	16.0	52	68.0

189	236	Nguyễn Thanh Độ	T. MINH TÀI	1.1.1982 <i>Tiền Giang</i>	10.0	58	68.0
190	051	Võ Tiếng	T. THÁNH THẬT	11/6/1993 <i>Khánh Hòa</i>	10.0	56	66.0
191	199	Hoàng Chí Sinh	T. ĐỨC QUÝ	03.11.1957 <i>TP. HCM</i>	10.0	56	66.0
192	214	Trần Văn Phước	T. LÊ CHÂU	15.05.1993 <i>Đồng Tháp</i>	13.0	52	65.0
193	271	Phạm Vũ Hòa	T. THÁI HÀ	29/12/1985 <i>Phú Yên</i>	6.0	59	65.0
194	283	Lê Văn Ngọc	T. GIÁC NGUYỄN NGỌC	22.07.1970 <i>Quảng Nam</i>	10.0	55	65.0
195	139	Nguyễn Văn Tâm	T. TÂM VIÊN	1982 <i>Bình Thuận</i>	10.0	54	64.0
196	055	Đỗ Văn Dũng	T. NHUẬN ÂN	02/10/1990 <i>Lâm Đồng</i>	16.0	47	63.0
197	076	Đồng Hiếu Trung	T. LÊ NGHIÊM	20/7/1979 <i>Bình Dương</i>	18.0	45	63.0
198	196	Lê Văn Cu	T. GIÁC MINH TRỤ	10.03.1983 <i>Phú Yên</i>	2.0	61	63.0
199	028	Đào Minh Vương	T. QUẢNG THÀNH	24/4/1974 <i>Phú Yên</i>	10.0	52	62.0
200	101	Phan Văn Tâm	T. MINH PHÁT	24/04/1986 <i>TT. Huế</i>	12.0	50	62.0
201	227	Lê Trọng Nhật	T. LÊ HUY	20.08.1986 <i>Quảng Trị</i>	10.0	52	62.0
202	275	Trần Quốc Thanh	T. THIỆN HẠNH	21/07/1991 <i>Kiên Giang</i>	6.0	56	62.0
203	009	Nguyễn Văn Trung	T. THIỆN CHÁNH	20/02/1972 <i>Bình Định</i>	13.5	48	61.5

204	015	Lâm Văn Thành	T. TÂM TRƯỞNG	16/01/1964 <i>Cà Mau</i>	3.0	58	61.0
205	077	Nguyễn Hoàng Tường	T. NHẬT NIỆM	10/02/1990 <i>Bình Định</i>	8.0	53	61.0
206	251	Tôn Văn Niếu	T. XƯƠNG TỊNH	10.10.1975 <i>An Giang</i>	10.0	51	61.0
207	252	Nguyễn Quốc Cường	T. THIÊN ÂN	26.07.1985 <i>TP. HCM</i>	10.0	51	61.0
208	280	Đinh Thanh Lâm	T. MINH NHÂN	29.03.1988 <i>Sóc Trăng</i>	12.0	49	61.0
209	162	Lê Văn Quốc	T. TRUNG GIẢNG	16/12/1993 <i>Gia Lai</i>	12.0	48	60.0
210	169	Trần Văn Hiếu	T. THANH NGHĨA	16/6/1975 <i>TP. HCM</i>	4.0	56	60.0
211	247	Nguyễn Hữu Hải	T. LỆ HẢI	11.2.1970 <i>Quảng Nam</i>	10.0	50	60.0
212	281	Nguyễn Đăng Khoa	T. ĐỨC HIỀN	21.07.1981 <i>TT. Huế</i>	14.0	46	60.0
213	120	Nguyễn Ngọc Hiếu	T. THIÊN HẠNH	01/11/1974 <i>Bình Dương</i>	7.0	52	59.0
214	164	Trần Văn Hiếu	T. QUẢNG TÂM	3/7/1958 <i>TP.HCM</i>	12.0	46	58.0
215	035	Nguyễn Văn Sơn	T. XƯƠNG LÂM	16/6/1986 <i>Bình Thuận</i>	10.0	47	57.0
216	211	Nguyễn Thanh Toàn	T. ĐĂNG NGỘ	1992 <i>Bạc Liêu</i>	10.0	46	56.0
217	168	Đặng Văn Vũ	T. QUẢNG LƯỢNG	21/10/1994 <i>TP. HCM</i>	12.5	43	55.5
218	186	Ngô Chí Thuyền	T. QUẢNG LONG	31.08.1986 <i>Bình Thuận</i>	11.0	44	55.0

219	213	Phan Lê Quốc Trí	T. VIÊN ÂN	09.09.1979 <i>Đồng Nai</i>	10.0	45	55.0
220	177	Trần Văn Duệ	T. BỬU ĐỨC	07.11.1973 <i>Nam Định</i>	4.0	48	52.0
221	270	Nguyễn Văn Hải	T. TIÊN SƠN	07/07/1974 <i>Hà Nội</i>	15.0	37	52.0
222	249	Đặng Sang	T. CHÚC THANH	8.2.1982 <i>Đà Nẵng</i>	11.0	40	51.0
223	276	Trần Đức Cường	T. THIÊN CƯỜNG	25/04/1958 <i>Hà Nội</i>	12.0	39	51.0
224	092	Lưu Văn Tấn	T. HOÀNG THUẬN	05/06/1988 <i>An Giang</i>	3.0	47	50.0
225	123	Trần Kim Khoa	T. THIÊN QUÝ	18/03/1977 <i>TP.HCM</i>	6.0	44	50.0
226	171	Trương Văn Út	T. MINH CHƠN	21/5/1966 <i>TP. HCM</i>	11.0	39	50.0
227	240	Nguyễn Văn Tấn	T. TẮC ĐỊNH	6.6.1967 <i>Sông Bé</i>	11.0	39	50.0
228	109	Lê Thành Hiếu	T. NGUYỄN HIẾU	13/2/1967 <i>TP.HCM</i>	12.0	36	48.0
229	273	Vũ Việt Trung	T. THIÊN HIỀN	11/10/1966 <i>TP. HCM</i>	10.0	38	48.0
230	170	Nguyễn Tấn Thuận	T. MINH TẤN	1967 <i>Bình Dương</i>	10.5	37	47.5
231	081	Nguyễn Thanh Xuân	T. BỒN LỢI	1977 <i>Bình Thuận</i>	4.0	43	47.0
232	156	Lê Thanh Sơn	T. TÂM LỄ	05.5.1985 <i>Hải Phòng</i>	14.0	33	47.0
233	256	Nguyễn Văn Sài	T. AN PHƯỚC	15.03.1986 <i>An Giang</i>	10.0	37	47.0

234	142	Nguyễn Dân	T. TÂM LẠC	<i>04.11.1964 Bình Định</i>	6.0	40	46.0
235	023	Huỳnh Sô	T. MINH TRUNG	<i>24/4/1966 Bình Định</i>	10.0	35	45.0
236	112	Nguyễn Thanh Ngân	T. NGUYỄN NGÂN	<i>1981 Long An</i>	12.0	33	45.0

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI GIỚI ĐÀN "QUẢNG
PL. 2557 - DL. 2013**

VIỆT NAM
úc

năm 2013

ĐƠN VỊ
Đồng Tháp
Đồng Tháp
Đồng Tháp
Đồng Tháp
Đồng Tháp
Quận 10
Đồng Tháp
Quận 10

Quận 10
Quận 10
H.Học Môn
H.Học Môn
Quận 8
Quận 2
H.Học Môn
H.Học Môn
TCPH
TCPH
Thủ Đức
Q.Tân Bình
H.Học Môn
Quận 1
Quận 10

H.Học Môn
H.Học Môn
H.Học Môn
TCPH
TCPH
Lâm Đồng
TCPH
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Thạnh
Quận 10
Q.Tân Bình
Q.Tân Bình
H.Học Môn
TCPH
TCPH

Quận 2
Quận 10
Q.Tân Bình
Lâm Đồng
TCPH
Q.Bình Thạnh
Long An
TCPH
TCPH
Q.Thủ Đức
TCPH
Quận 5
Q.Bình Thạnh
Q.Tân Phú
Q.Tân Phú

Q.Bình Tân
H.Học Môn
Bình Thuận
TCPH
TCPH
TCPH
Quận 3
Quận 3
TCPH
TCPH
Quận 3
Q. Gò Vấp
Q.Thủ Đức
Q.Tân Bình
Q.Bình Tân

TCPH
TCPH
Q. Bình Tân
Quận 3
Quận 3
Quận 6
Q.Tân Phú
Q.Bình Tân
H.Học Môn
H.Học Môn
TCPH
Quận 6
H.Học Môn
Quảng Nam
Quận 3

Q.Tân Bình
H.Bình Chánh
H.Hóc Môn
TCPH
Q. Gò Vấp
TCPH
TCPH
Quận 7
TCPH
TCPH
Quận 3
TCPH
TCPH
TCPH
TCPH

TCPH
Quận 3
Quận 4
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Tân
Q.Bình Tân
H.Học Môn
H.Nhà Bè
Nam tông
Q.Phú Nhuận
Q.Tân Bình

Vĩnh Long
Quận 8
TCPH
TCPH
TCPH
Quận 7
Quận 11
Quận 11
Q.Bình Thạnh
Q.Tân Bình
Tiền Giang
Lâm Đồng
Lâm Đồng
TCPH
Quận 4

Q.Bình Thạnh
Q.Tân Phú
H.Bình Chánh
H.Hóc Môn
Lâm Đồng
Q.Bình Thạnh
H.Hóc Môn
H. Củ Chi
Bình Thuận
Kon Tum
Đồng Nai
TCPH
TCPH
TCPH
Quận 3

Q.Bình Thạnh
Q.Tân Phú
Q.Tân Phú
Bình Thuận
TCPH
Quận 7
Q.Phú Nhuận
Q.Tân Bình
H.Học Môn
H.Học Môn
Đồng Tháp
TCPH
Quận 3
Quận 8
Quận 10

Q.Bình Tân
Bình Thuận
Nam tông
Lâm Đồng
Quận 11
Q.Tân Bình
Q.Tân Bình
Bình Thuận
Đắk Lắk
Quận 10
Quận 12
Q.Bình Thạnh
Bình Thuận
TCPH
TCPH

Nam tông
Q.Phú Nhuận
TCPH
Q.Bình Thạnh
Q.Bình Tân
H. Củ Chi
Tân Phú
TCPH
Quận 5
TCPH
TCPH
Nam tông
Q.Thủ Đức
Tân Phú
H.Hóc Môn

TCPH
Quận 11
Tiền Giang
TCPH
Nam tông
Quận 3
H.Học Môn
Quận 12
Q. Gò Vấp
Vĩnh Long
Quận 8
Q.Tân Bình
TCPH
Nam tông
Quận 3

Quận 4
Q. Gò Vấp
TCPH
TCPH
Nam tông
H.Nhà Bè
H.Củ Chi
TCPH
Nam tông
Q.Bình Tân
H. Củ Chi
Quận 8
Bạc Liêu
H.Củ Chi
Bình Thuận

Đồng Nai
Lâm Đồng
Nam tông
TCPH
Nam tông
Thủ Đức
Q.Bình Tân
H. Củ Chi
TCPH
Q.Tân Phú
Nam tông
H. Củ Chi
Q. Gò Vấp
H.Hóc Môn
TCPH

H.Học Môn
Quận 6
Q.Tân Phú

ĐỨC"